TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2019.
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hiển.
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành- Thư ký Tòa án nhân huyện Đông Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế- Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019; về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị M, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đông S, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Bùi Đức Th, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Đồng V, xã Đông L, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt chị Mận, vắng mặt anh Th)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Mai Thị M trình bày:***

Chị và anh Bùi Đức Th tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông L, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình ngày 28/5/1996. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 thì năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Th thường xuyên cờ bạc, rượu chè, không quan tâm tới vợ con và thường xuyên đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên tháng 7/2017 (âm lịch) chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn Đ, xã Đông S, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình sống ly thân với anh Th từ đó cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Chị và anh Th có 03 con chung là Bùi Thị Th, sinh ngày 20/02/1997, Bùi Đức Qu, sinh ngày 26/01/1999 và Bùi Thị Ngọc M, sinh ngày 04/12/2007. Do con Qu và con Th đã trưởng thành tự lập được về kinh tế nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con Qu và con Thu. Từ khi vợ chồng ly thân, con Mai sinh sống cùng với anh Th và chị gái là cháu Thu. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con M và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền cho con M. Nếu con M ở với anh Th, chị sẽ cấp dưỡng cho con M 700.000 đồng/1 tháng. Hiện tại, chị đi giúp việc gia đình ở huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; thu nhập bình quân của chị được 4.000.000 đồng/1 tháng. Trong thời gian vợ chồng ly thân, bản thân chị vẫn quan tâm đến con M như đưa tiền cho con trai thứ hai là cháu Qu để đóng học cho em, đưa tiền cho anh Th 1.000.000 đồng để nuôi con, đưa tiền qua mẹ đẻ anh Th 1.220.000 đồng để bà đưa tiền cho anh Th nuôi con; ngoài ra chị còn cho con tiền ăn sáng và mua quà cho con, nhà ở và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình của vợ chồng chị không yêu cầu chia mà để lại cho anh Th sử dụng nuôi con, nên chị không chấp nhận yêu cầu của anh Th đòi chị thanh toán số tiền 17.000.000 đồng cấp dưỡng nuôi con M trong thời gian vợ chồng ly thân.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

**** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn anh Bùi Đức Th trình bày:***

Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và thời điểm phát sinh mâu thuẫn, thời gian ly thân giữa anh và chị M như chị M trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; chị M bỏ đi theo trai, không quan tâm đến công việc gia đình và chồng con, dẫn tới việc vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên tháng 7/2017 (âm lịch) chị M đã bỏ về quê ngoại ở Thôn Đ, xã Đông S, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình sống ly thân với anh. Không có việc anh rượu chè như chị M khai. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị M.

Vợ chồng có 03 con chung như chị M trình bày. Do con Qu và con Th đã trưởng thành tự lập được về kinh tế nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con Qu và con Th. Con Bùi Thị Ngọc M hiện đang học lớp 6 của trường THCS xã Đông La, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; từ khi vợ chồng ly thân, con M ở cùng với anh và chị gái là cháu Th. Ly hôn, anh nhận trực tiếp nuôi con M vì con M có nguyện vọng ở cùng anh; vợ chồng ly thân, anh vẫn chăm sóc con M chu đáo. Anh yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con M mỗi tháng 1.000.000 đồng. Ngoài ra anh còn yêu cầu chị M phải thanh toán tiền anh nuôi con M từ tháng 7/2017 (âm lịch) tính đến hết tháng 3/2019 (âm lịch) là 20 tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Cuối năm 2017 chị M đã đưa cho mẹ đẻ anh 1.220.000 đồng để bà đưa anh nuôi con M, đến năm 2018 chị M đưa cho con 1.000.000 đồng để con đưa cho anh; tổng là 2.220.000 đồng. Anh yêu cầu chị M phải thanh toán tiền anh nuôi con M là 17.000.000 đồng (số tiền anh làm tròn). Anh chỉ đồng ý để chị M nuôi con Mai với điều kiện chị M phải trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và phải có chỗ ăn ở cho con để con yên tâm học hành.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

**** Qua xác minh tại UBND xã Đông L có nội dung:***

Chị M và anh Th kết hôn tụ nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông L huyện Đông H ngày 28/5/1996. Sau kết hôn, anh chị sinh sống tại Thôn Đồng V, xã Đông L, huyện Đông H. Trong thời gian chung sống, chị M và anh Th hay xảy ra va chạm đánh cãi nhau, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm

được tiếng nói chung. Hai bên gia đình và cơ sở thôn đã hòa giải cho chị M và anh Th nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Cuối năm 2017 chị M bỏ về quê ngoại sống ly thân với anh Th. Mâu thuẫn của chị M và anh Th đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo nguyện vọng của cả hai anh chị.

Từ khi vợ chồng ly thân, anh Th vẫn chăm sóc con chu đáo, không có việc anh Th bạo hành đánh đập con. Điều kiện nuôi con của anh Th đảm bảo, có nhà ở, có sự giúp đỡ của ông bà nội ở bên cạnh. Chị M còn đang đi làm ăn, chưa có nhà ở, còn phải ở nhờ nhà của bố mẹ đẻ. Giao con cho anh Th nuôi sẽ đảm bảo quyền lợi của con.

**** Qua xác minh tại Trường THCS xã Đông L có nội dung:***

Cháu Bùi Thị Ngọc M là con của chị Mận và anh Th, hiện cháu là học sinh lớp 6C Trường THCS xã Đông L. Trong thời gian học tập ở trường, cháu M đi học đầy đủ, lực học luôn đạt loại giỏi. Các buổi họp phụ huynh ở trường đều do bà nội cháu đi họp thay cho bố mẹ. Các khoản tiền đóng góp với nhà trường hoàn toàn là do cháu M mang đi đóng đầy đủ. Thời gian gần đây được biết bố mẹ cháu M ly hôn, cháu M có tâm sự với Cô giáo chủ nhiệm, nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố để đảm bảo việc học tập.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Mai Thị M được ly hôn anh Bùi Đức Th.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị giao con chung Bùi Thị Ngọc M cho anh Bùi Đức Th trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc chị Mận cấp dưỡng cho con Mai mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Đức Th đòi chị M thanh toán số tiền 17.000.000 đồng anh nuôi cháu M trong thời gian vợ chồng ly thân.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Chị Mai Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Bị đơn anh Bùi Đức Th có nơi cư trú tại Thôn Đồng V, xã Đông L, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình; vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Th.

- Về nội dung:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị M và anh Bùi Đức Th được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị M và anh Th không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau; thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng và đều không muốn duy trì đời sống hôn nhân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M

[2] Về con chung: Chị M và anh Th có 03 con chung, hai con lớn của anh chị đã trưởng thành không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần và đã tự lập được về kinh tế nên không đặt ra giải quyết. Con chung Bùi Thị Ngọc M đang ở ổn định với anh Th; từ khi vợ chồng ly thân, anh Th vẫn chăm sóc con chu đáo, đảm bảo việc học tập, sinh hoạt của con. Bản thân cháu M cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng với anh Th. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt con M, nên giao con M cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng và buộc chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con M ở mức ở mức 1.000.000 đồng/1 tháng là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của chị M và nhu cầu thiết yếu của con M.

Đối với việc anh Th yêu cầu chị M thanh toán cho anh khoản tiền 17.000.000 đồng anh nuôi con M trong thời gian vợ chồng ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy: theo chị M và anh Th đều thừa nhận, trong thời gian vợ chồng ly thân chị M có đưa cho anh Th 2.220.000 đồng để anh nuôi con; ngoài ra theo như cháu M và cháu Qu (con chung của chị M và anh Th) thì chị M cũng có đưa tiền cho cháu Qu để đóng học cho cháu M; Khi chị M bỏ về mẹ đẻ thì anh Th quản lý toàn bộ đồ dùng sinh hoạt của vợ chồng để anh nuôi cháu M. Do đó xác định, trong thời gian vợ chồng ly thân không chỉ có mình anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M mà chị M vẫn quan tâm, chăm sóc con chung là cháu M. Đây vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của chị M và anh Th. Vì vậy, yêu cầu của anh Th đòi chị M thanh toán cho anh số tiền 17.000.000 đồng cấp dưỡng cho cháu M trong thời gian vợ chồng ly thân không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí : Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Anh Th và chị M có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị M được ly hôn anh Bùi Đức Th.

2/. Về con chung:

2.1. Xử giao con chung Bùi Thị Ngọc M, sinh ngày 04/12/2007 cho anh Bùi Đức Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Mai Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Bùi Thị Ngọc M mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2019 đến khi Bùi Thị Ngọc M đủ 18 tuổi.

Chị Mai Thị M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị Mai Thị M và anh Bùi Đức Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Đức Th đòi chị Mai Thị M thanh toán cho anh số tiền 17.000.000 đồng cấp dưỡng cho cháu Bùi Thị Ngọc M trong thời gian vợ chồng ly thân.

3/. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Mai Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng chị M phải nộp 600.000 đồng tiền án phí; được trừ 300.000 chị Mận đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007864 ngày 04/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, chị M còn phải nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5***/. Về quyền kháng cáo:*** Chị Mai Thị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Bùi Đức Th vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND xã Đông La, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Kiên Trung